

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-PT
Ngày 01 tháng 8 năm 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Chu Văn Thanh.

2. Ông Đặng Phi Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Đoàn Quỳnh Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2024/HNGĐ-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 960/2024/QĐ-PT, ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở: Kho S, khu công nghiệp, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Đức T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 04, thị trấn N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Ngô Đức T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Đức T đăng ký kết hôn ngày 11/11/2004 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc. Gia đình đã khuyên bảo nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi xa nhau. Chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Ngô Đức T.

- Về con chung: Anh, chị có 03 người con chung: Cháu Ngô Thanh P, sinh ngày 28/01/2006; cháu Ngô Tùng Q, sinh ngày 10/12/2009 và cháu Ngô Anh M, sinh ngày 14/6/2018. Hiện tại các cháu đều phát triển bình thường và đang ở cùng chị H, cháu Ngô Thanh P đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Ngô Tùng Q và cháu Ngô Anh M, mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T công nhận về thời gian, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn như chị Nguyễn Thị H trình bày là đúng sự thật. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011, do điều kiện anh phải công tác tại Lào Cai, chị H làm việc tại Bắc Ninh. Vì ở xa nhau nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018 do có một số biến cố xảy ra trong cuộc sống, vợ chồng càng bất đồng quan điểm, hơn nữa mỗi người một nơi nên không quan tâm chăm sóc cho nhau được. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay, tuy nhiên anh mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, khi nào anh hoàn thành nhiệm vụ công tác, gia đình sẽ đoàn tụ sống cùng nhau. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị H, trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh, chị có 03 người con chung như chị H trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh cũng nhất trí để chị H nuôi dưỡng các con chung và anh nhất trí cấp dưỡng cho cháu Q và cháu Q theo yêu cầu của chị H.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân gia đình số 11/2024/HNGĐ-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Đức T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Đức T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Xử giao cháu Ngô Tùng Q, sinh ngày 10/12/2009 và cháu Ngô Anh M, sinh ngày 14/6/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Ngô Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Ngô Tùng Q 2.500.000 đồng/tháng và cháu Ngô Anh M 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi xuất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Ngô Đức T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn với anh, anh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giám định AND đối với cháu Ngô Anh M để xác định cháu có phải là con đẻ của anh hay không.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị đơn anh Ngô Đức T giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị không yêu cầu và từ chối việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H đối với cháu Ngô Anh M, sinh ngày 14/6/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên nội dung bản án Hôn nhân và gia đình số 11/2024/HNGĐ-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Tuyên án phí cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Ngô Đức T có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Do vậy, hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, anh T mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, khi nào anh hoàn thành nhiệm vụ công tác, gia đình sẽ đoàn tụ sống cùng nhau. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị H. Trên thực tế anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2018 và không quan tâm, chăm sóc nhau từ thời điểm đó đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngày 12/6/2024, anh T có đơn đề nghị trưng cầu giám định AND đối với cháu Ngô Anh M. Ngày 17/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 572/2024/TB-TA, nhưng anh T không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ngô Đức T.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của con, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, thu nhập thực tế của anh T, chị H và nguyện vọng của chị H về việc nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao hai con của anh T, chị H cho chị H chăm sóc, giáo dục và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Ngô Tùng Q và cháu Ngô Anh M mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng đến khi cháu Q, cháu M đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 31/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai nhận được đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị H. Nội dung đơn chị H đề nghị không yêu cầu và từ chối việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H đối với cháu Ngô Anh M, sinh ngày 14/6/2018. Tại phiên Tòa phúc thẩm, anh T không nhất trí với đơn từ chối cấp dưỡng nuôi con của chị H và yêu cầu Tòa án giải quyết để anh được cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho hai con của anh, chị như bản án sơ thẩm đã quyết định. Xét thấy, yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung của anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của anh T về việc được cấp dưỡng nuôi con chung như bản án sơ thẩm đã quyết định.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn anh Ngô Đức T không được chấp nhận, nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ngô Đức T, giữ nguyên toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2024/HNGĐ-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Ngô Đức T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000867 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC THẨM PHÁN**

Chu Văn Thanh

Đặng Phi Long

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Toàn